

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2020/DS-PT  
Ngày 08 – 12– 2020  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Trung

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Đoan là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu phân chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

1. Ông Nguyễn Trường H1, sinh năm 1966. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1956. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945. Cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà B: Ông Nguyễn Trường H1, sinh năm 1966. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1: Luật sư Dư Đình Việt là Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị T2, sinh năm 1971. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Công T4, sinh năm 1981. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

2. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1996. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

3. Anh Nguyễn Việt T3, sinh năm 1994. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972. Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C . (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị A. Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C . (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn H4. Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C . (vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị L. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị H3. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trường H1, là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn ông Nguyễn Trường H1 trình bày:* Cha, mẹ ông H1 là cụ Nguyễn Văn Hùng và cụ Nguyễn Thị Hoạch có mua của ông 5 Mão một phần đất, nhưng ông không xác định được diện tích bao nhiêu. Cụ Hùng và cụ Hoạch sử dụng thời gian thì chuyển nhượng lại ông Tường, ông Tử khoảng 30 công; phần còn lại hai cụ quản lý. Thời gian này, ông Nguyễn Văn Truyền sống chung với hai cụ, thời điểm này hai cụ chưa cho đất cho các con. Đến năm 1992, ông H1 lập gia đình sống bên vợ nên được cha mẹ vợ cho khoảng 70 công đất nên khi cụ Hùng và cụ Hoạch có gợi ý cho ông một dây đất nhưng ông H1 nói đã có đất nên không nhận mà yêu cầu để cho ông Truyền quản lý sử dụng. Năm 2002, ông H1 được cụ Hùng cho 04 công đất, ông H1 đã nhận 04 công đất quản lý sử dụng được vài tháng thì cho hai cháu thuê lại mỗi năm 4.000.000 đồng, còn quyền sử dụng vẫn còn ông Hùng đứng tên. Năm 2004, cụ Hùng và ông H1 chuyển nhượng 07 công đất cho ông Tô Trường Lam (trong đó có phần 04 công mà cụ Hùng cho ông H1), mỗi công với giá 25 chỉ vàng 24k. Sau khi chuyển nhượng cụ Hùng có cho lại ông 10 lượng và có trách nhiệm làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người mua.

*Nguyên nhân tranh chấp:* Do cụ Hùng chết năm 2006, trước khi chết cụ Hùng có làm văn bản ủy quyền cho ông Truyền vay ngân hàng, chứ không phải thể hiện để lại phần đất cho ông Truyền quản lý suốt đời, còn việc ông Phạm Văn Tại xác định theo văn bản ủy quyền là ông Truyền có trách nhiệm liên hệ với ngân

hàng là đúng. Đến năm 2012 ông Truyền qua đời, thân tộc thống nhất để lại toàn bộ phần đất ông Truyền đang quản lý, sử dụng để thờ cúng cha, mẹ nhưng sau khi ông Truyền mất, bà T2 chuyển nhượng luôn cho anh T4 là không hợp lý vì không có thẩm quyền chuyển nhượng nên ông không thống nhất.

Nay ông H1 khởi kiện yêu cầu bà T2 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Hùng đứng tên để phân chia di sản thừa kế; yêu cầu chia di sản thừa kế cho ông H1, bà B và bà H2 mỗi người hưởng diện tích 1.000m<sup>2</sup>. Yêu cầu không phân chia diện tích khu vực nền mộ của cụ Hùng và cụ Hoặc với diện tích 1.030m<sup>2</sup> để ông quản lý và giữ gìn, tôn tạo khu vực mồ mã.

*Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H2 trình bày:* Tại đơn khởi kiện bà B và bà H2 cầu chia di sản thừa kế mỗi người hưởng diện tích 1.000m<sup>2</sup>.

*Bị đơn bà Võ Thị T2 trình bày:* Khoảng năm 1990 bà về làm vợ ông Truyền, thời gian này vợ chồng bà sống cùng với cụ Hùng, cụ Hoặc còn việc quản lý, sử dụng đất do cha, mẹ quản lý trong thời gian này cha, mẹ chồng có cắt ra cho ông H1 một phần đất 04 công, phần còn lại cụ Hùng, cụ Hoặc giao cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng đến năm 2006 cụ Hùng làm văn bản ủy quyền cho ông Truyền toàn bộ phần đất còn lại để phụng thờ cụ Hùng suốt đời.

Năm 2012, ông Truyền mất do tai nạn. Trước đó, vợ chồng bà có nợ của người khác do chăm lo bệnh cho cụ Hùng, cụ Hoặc khi còn sống. Khi ông Truyền chết, bà có cố cho anh Đặng Công T4 một phần đất giá 100 triệu đồng, đến năm 2019 thì do không có tiền chuộc đất nên mới chuyển nhượng luôn cho anh T4 với giá 320.000.000 đồng.

Qua yêu cầu của ông H1, bà B, bà H2 thì bà T2 không đồng ý vì khi cụ Hùng chết thì các anh chị em bên chồng không có ý kiến gì đối với phần đất bà đang quản lý sử dụng, đối với ông H1 cũng đã được cụ Hùng cho riêng phần đất 04 công, khi cụ Hùng chuyển nhượng thì ông H1 cũng đã nhận vàng từ cụ Hùng nên không có quyền yêu cầu được hưởng thêm đất thừa kế của cụ Hùng. Do đất vợ chồng bà quản lý, nay ông Truyền chết thì bà phải được hưởng toàn bộ nên việc bà chuyển nhượng cho anh T4 là hợp lý. Đối với yêu cầu phản tố của bà xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Đặng Công T4 trình bày:* Vào năm 2018, anh cố đất của bà T2 một phần đất với giá 200.000.000 đồng, sau đó bà T2 không có tiền chuộc đất nên có ý định muốn chuyển nhượng cho tôi toàn bộ phần đất cố với giá 320.000.000 đồng tôi đồng ý mua nên đã giao tiếp cho cho Triệu số tiền còn lại. Anh T4 không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh với bà T2 mà yêu cầu để tự thỏa thuận. Nếu Tòa án có căn cứ chia thừa kế cho ông H1, bà B và bà H2 thì anh tự thỏa thuận với bà T2 về tiền chuyển nhượng đất và đồng ý trả đất để phân chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày:* Đối với phần di sản cụ Hùng để lại phần ông H1 đã được cho trước đó không đồng ý phân chia cho ông H1. Riêng đối với bà T1 rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Hùng cho bà hưởng diện tích 1.000m<sup>2</sup>.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Việt T3 và anh Nguyễn Trường G thống nhất trình bày: Chúng tôi là con ruột của bà T2, việc ông H1 yêu cầu chia di sản phần đất của cụ Hùng chúng tôi không đồng ý. Chúng tôi xin rút lại yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hùng để lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hùng và cụ Nguyễn Thị Hoặc với diện tích 1.000m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường H1, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H2. Phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Thị Hoặc là phần đất có diện tích 16.055m<sup>2</sup> tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau trong Giấy chứng nhận số O 519178 cấp ngày 22/9/2019 do cụ Hùng đứng tên cho ông H1, bà B và bà H2 mỗi người hưởng phần giá trị bằng 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Buộc bà Võ Thị T2, anh Nguyễn Hoàng Thám và anh Nguyễn Trường G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H1, bà B và bà T1 mỗi người số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông H1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà T2, anh T3 và anh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Giao cho bà Võ Thị T2 tiếp tục quản lý khu vực nền mộ có diện tích 500m<sup>2</sup>. Có vị trí tứ cận:

- Phía đông: Giáp phần đất chuyển nhượng cho anh T4 M13M8 = 22,12m.
- Phía tây: Giáp phần kinh Lô 3 điểm M9M10 = 26,75m.
- Phía nam: Giáp kinh lô 3 điểm M8M9 = 23,89m.
- Phía bắc: Giáp phần đất chuyển nhượng cho anh T4 M10M13 = 18,0m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

4. Giao cho bà Võ Thị T2 tiếp tục quản lý phần di sản còn lại của cụ Nguyễn Văn Hùng và cụ Nguyễn Thị Hoặc.

Trong trường hợp những người thừa kế hợp pháp còn lại của cụ Hùng và cụ Hoặc gồm: Ông H4, bà D, bà A, bà N, bà H3, bà L không thỏa thuận phân chia được với nhau đối với diện tích đất này thì có quyền khởi kiện phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/9/2020, ông Nguyễn Trường H1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Trường H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1: Cụ Hùng để lại phần đất 16.055m<sup>2</sup> nên có thể chia được mỗi người thừa kế 10.000m<sup>2</sup>. Yêu cầu chia bằng đất là hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

Mặc dù, bà H2, bà B không có nhu cầu sử dụng đất nhưng hiện nay có nhu cầu chia đất để cải tạo nền mộ.

Hơn nữa, việc yêu cầu chia đất của các nguyên đơn không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của bà T2 và những người khác.

Từ những căn cứ trên, yêu cầu chia đất của nguyên đơn là có căn cứ nên yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà H2, bà B.

Ông Nguyễn Trường H1 không tranh luận.

Bà Võ Thị T2 không tranh luận.

Ông Đặng Công T4 không tranh luận.

Anh Nguyễn Trường G không tranh luận.

Anh Nguyễn Việt Triều không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường H1, Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Trường H1 yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia cho ông và bà B, bà H2 mỗi người 1.000m<sup>2</sup> đất là di sản thừa kế của cụ Hùng. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trường H1, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Phần đất là di sản thừa kế của cụ Hùng và cụ Hoặc để lại diện tích theo đo đạc thực tế là 16.055m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do cụ Nguyễn Văn Hùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, bà Võ Thị T2 đã chuyển nhượng cho ông Đặng Công T4 10.000m<sup>2</sup>. Bà T2 đang quản lý trực tiếp 6.055m<sup>2</sup>, trong đó có 500m<sup>2</sup> đất nền mộ.

[3] Cụ Hùng, cụ Hoặc khi chết để lại di sản thừa kế là phần đất có diện tích 16.055m<sup>2</sup>; cụ Hùng chết năm 2006, cụ Hoặc chết năm 2000 là còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Cụ Hùng và Cụ Hoặc có 11 người con nên các nguyên đơn yêu cầu chia mỗi người 1.000m<sup>2</sup> là phù hợp. Tuy nhiên, ông H1 cũng thừa nhận khi lấy vợ thì ông H1 về bên vợ sinh sống và được bên vợ cho khoảng 70 công đất nên khi được cụ Hùng, cụ Hoặc có ý định cho đất thì ông không nhận mà để lại cho ông Truyền quản lý. Năm 2002, cụ Hùng có cho ông H1 04 công đất, ông H1 không trực tiếp canh tác mà cho người khác thuê mỗi năm 4.000.000 đồng. Như vậy, ông H1 đã có đất sản xuất nên không có nhu cầu sử dụng đất do cụ Hùng cho. Tại

phiên tòa, chính ông H1 thừa nhận do ông sống tại địa phương khác nên không trực tiếp canh tác 04 công đất cụ Hùng cho được. Thực tế chứng minh vào năm 2004 cụ Hùng và ông H1 chuyển nhượng 07 công đất (trong đó, có 04 công đất của ông H1 được cụ Hùng cho) cho ông Tô Trường Lam. Ông H1 nhận 10 lượng vàng 24kara (25 chỉ/công). Như vậy, ông H1 đã được cho 04 công đất, ông H1 không có nhu cầu sản xuất nên đã chuyển nhượng đất cho người khác để lấy vàng.

[4] Bà B, bà H2 từ khi có chồng, đã sinh sống ổn định bên chồng, còn ông H1 từ khi lấy vợ thì đã về bên vợ sống có đất sản xuất. Các nguyên đơn cho vợ chồng người em út là ông Truyền, bà T2 nuôi cha mẹ (Cụ Hoặc, Cụ Hùng) từ năm 1990 đến khi cha mẹ mất, đồng thời quản lý, canh tác đất từ năm 1990 đến nay. Nay, các nguyên đơn cho rằng có nhu cầu sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, bà Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn của vụ án trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đã có yêu cầu rút đơn khởi kiện trình bày: Ông Truyền, bà T2 thực tế đã được cụ Hùng, cụ Hoặc cho đất từ khi còn sống nên không còn đất để chia thừa kế. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm xử thì bà T2 đồng ý án sơ thẩm, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Ông H1 yêu cầu giao phần đất nền mộ để ông H1 thờ cúng cha, mẹ (cụ Hùng, cụ Hoặc). Xét thấy, ông Truyền, bà T2 là người thờ cúng từ khi cụ Hùng và cụ Hoặc chết. Tuy hiện nay ông Truyền đã chết nhưng ông Truyền có vợ là bà T2 và có 02 người con trai là Nguyễn Trường G, Nguyễn Việt T3 cũng đảm bảo cho việc thờ cúng nên không chấp nhận yêu cầu của ông H1.

[6] Xét thấy, đất tranh chấp sử dụng vào mục đích nuôi tôm nên việc chia cho ông H1, bà B, bà H2 mỗi người 1.000m<sup>2</sup> là không đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất nuôi tôm tại địa phương nên án sơ thẩm chia giá trị đất cho ông H1, bà B, bà H2 là có căn cứ.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường H1, Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 81/2020/DS –ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trường H1 phải chịu 300.000 đồng. Ông H1 có nộp tạm ứng 300.000 đồng được chuyển thu, đối trừ.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường H1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hùng và cụ Nguyễn Thị Hoặc với diện tích 1.000m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường H1, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu phân chia di sản của cụ Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Thị Hoặc.

Buộc bà Võ Thị T2, anh Nguyễn Hoàng Thám và anh Nguyễn Trường G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Trường H1, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H2, mỗi người số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông H1, bà B, bà H2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà T2, anh T3 và anh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Giao cho bà Võ Thị T2 tiếp tục quản lý khu vực nền mộ có diện tích 500m<sup>2</sup>, có vị trí tứ cận:

- Phía đông: Giáp phần đất chuyển nhượng cho anh T4 M13M8 = 22,12m.
- Phía tây: Giáp phần kinh Lô 3 điểm M9M10 = 26,75m.
- Phía nam: Giáp kinh lô 3 điểm M8M9 = 23,89m.
- Phía bắc: Giáp phần đất chuyển nhượng cho anh T4 M10M13 = 18,0m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

4. Bà Võ Thị T2 tiếp tục quản lý phần di sản còn lại của cụ Nguyễn Văn Hùng và cụ Nguyễn Thị Hoặc.

Trong trường hợp những người thừa kế hợp pháp còn lại của cụ Hùng và cụ Hoặc gồm: Ông H4, bà D, bà A, bà N, bà H3, bà L không thỏa thuận phân chia được với nhau đối với diện tích đất này thì có quyền khởi kiện phân chia theo quy định của pháp luật.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Trường H1 phải chịu 1.666.600 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), ông H1 đã nộp xong. Bà Nguyễn Thị B phải chịu 1.666.600 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 1.666.600 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng). Ông H1 đã nộp thay cho bà B số tiền 1.666.600 đồng, đã nộp thay cho bà H2 số tiền 1.666.600 đồng. Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H2 mỗi người phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trường H1 số tiền 1.666.600 đồng.

Kể từ ngày ông H1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà B và bà H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trường H1 phải chịu 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ngày 24 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Trường H1 đã nộp 500.000 đồng tại biên lai số 009535 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ còn phải nộp tiếp số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H2 được miễn án phí.

Bà Võ Thị T2 được hoàn lại 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 009810, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trường H1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03/9/2020, ông H1 có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu, đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Trung**



